Chi tiết mã HS 9103.90.00

Mã HS	9103.90.00
Mô tả hàng hóa	Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, trừ các loại đồng hồ thời gian thuộc nhóm 91.04 / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:23:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/91039000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18306
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18306
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18306
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17626
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17555
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17555
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17555
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17555
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17555
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17555
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17611
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17611
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17611
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17611
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17611
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17612
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17612
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17612
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17612
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17612
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17612
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17617
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17573
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17569
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17569
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17569
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17569
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17569
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17569
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17615
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17615
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17615
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17615
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17615
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17615
VCFTA	2022	2022	4	VC!D17677
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17677

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17677
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17677
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17677
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17677
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17655
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17655
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17655
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17655
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17655
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17655
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17648
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17648
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17648
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17648
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17648
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17648
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D17678
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E17678
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F17678
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17678
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17678
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17678
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D17677
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E17677
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F17677
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17677

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17677
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17677
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17771
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17771
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17771
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17771
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17771
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17771
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17771
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17640
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17640
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17640
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17640
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17640
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17640
RCEP B	2022	2022	0	B!D17640
RCEP B	2023	2023	0	B!E17640
RCEP B	2024	2024	0	B!F17640
RCEP B	2025	2025	0	B!G17640
RCEP B	2026	2026	0	B!H17640
RCEP B	2027	2027	0	B!I17640
RCEP C	2022	2022	0	C!D17638
RCEP C	2023	2023	0	C!E17638
RCEP C	2024	2024	0	C!F17638
RCEP C	2025	2025	0	C!G17638
RCEP C	2026	2026	0	C!H17638

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17638
RCEP D	2022	2022	0	D!D17637
RCEP D	2023	2023	0	D!E17637
RCEP D	2024	2024	0	D!F17637
RCEP D	2025	2025	0	D!G17637
RCEP D	2026	2026	0	D!H17637
RCEP D	2027	2027	0	D!I17637
RCEP E	2022	2022	0	E!D17641
RCEP E	2023	2023	0	E!E17641
RCEP E	2024	2024	0	E!F17641
RCEP E	2025	2025	0	E!G17641
RCEP E	2026	2026	0	E!H17641
RCEP E	2027	2027	0	E!I17641
RCEP F	2022	2022	0	F!D17640
RCEP F	2023	2023	0	F!E17640
RCEP F	2024	2024	0	F!F17640
RCEP F	2025	2025	0	F!G17640
RCEP F	2026	2026	0	F!H17640
RCEP F	2027	2027	0	F!I17640
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F16539
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G16539
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H16539
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I16539

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9103.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9103.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18306), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.